

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2024/HC - ST

Ngày 28 - 02 - 2024

V/v: “Khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý Nhà nước trong trường hợp giải quyết khiếu nại về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi thu hồi đất”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Tăng Trần Quỳnh Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Thanh Hùng

Bà Liêu Bích Nga

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Tuấn Duy, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Quyên, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 2 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 62/2023/TLST-HC ngày 15 tháng 11 năm 2023 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý Nhà nước trong lĩnh vực đất đai thuộc trường hợp giải quyết khiếu nại về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi đất*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2024/QĐST-HC ngày 15 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1959, (có mặt).
Địa chỉ: Số E, đường L, Khóm G, phường E, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

2. Người bị kiện: Chủ tịch UBND tỉnh B, (có đơn xin vắng mặt).
Địa chỉ: Số E, đường N, phường A, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Văn T, chức vụ: Chủ tịch.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1. Ủy ban nhân dân thành phố B, (có đơn xin vắng mặt).
Địa chỉ: Số A, đường T, Khóm D, Phường C, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Lê Kim T1, chức vụ: Chủ tịch.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B, (có đơn xin vắng mặt).
Địa chỉ: Số A, đường T, Khóm D, Phường C, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Lê Kim T1, chức vụ: Chủ tịch.

3. Bà Huỳnh Thị C, sinh năm 1963, (có mặt).

Địa chỉ: Số E, đường L, Khóm G, phường E, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo người khởi kiện trình bày:

Ông Nguyễn Văn D khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 1777/QĐ-UBND ngày 21/9/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh B về việc giải quyết khiếu nại lần hai của ông. Lý do ông yêu cầu hủy Quyết định số 1777/QĐ-UBND là vì ông D khiếu nại yêu cầu Nhà nước bồi thường phần đất kênh ngang (Kênh Năm N) ngang 06m x dài 12m (72m²) và kênh dọc (kênh L) ngang 7m x dài 38 m (266m²) nhưng không được chấp nhận.

Nguồn gốc phần đất trên là của ông Huỳnh Văn N1 là cha vợ của ông khai phá trước năm 1975, chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến năm 1995 thì tặng cho cho vợ chồng ông và sử dụng ổn định không tranh chấp với ai, con kênh thì sử dụng chung. Ngày 01/7/1995, ông D được UBND thị xã B (nay là thành phố B) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 12.500m², thuộc thửa số 797 (4.900m²) và thửa 811 (7.600m²) cùng tờ bản đồ số 06. Sau đó, ông D chuyển nhượng phần đất có diện tích 2.159,5m² thuộc thửa 811 cho ông Nguyễn Hoàng A. Năm 2018, ông D tiếp tục chuyển nhượng cho bà Trần Kim H và chồng là Huỳnh Thanh T2 diện tích 190m² và tặng cho 02 người con mỗi người 200m² là Nguyễn Thanh L và Nguyễn Thanh D1 cũng thuộc thửa 811. Phần đất còn lại của thửa 811 (nay là thửa 237, tờ bản đồ số 12) là 4850,5m² ông D, bà C đã được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP 595134 ngày 10/12/2018, đất tọa lạc tại phường E, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Ngày 19/10/2022, Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Quyết định số 368/QĐ-UBND về việc thu hồi diện tích 63,7m² đất của ông Nguyễn Văn D và vợ là bà Huỳnh Thị C tại tờ bản đồ số 12; trong đó có 12,3m² đất nuôi trồng thủy sản, thuộc một phần thửa đất số 237 và 51,4m² đất trồng cây lâu năm thuộc một phần thửa số 49 để thực hiện dự án mở rộng, nâng cấp đô thị Việt Nam – Tiểu dự án thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. Hợp phần 2: Nâng cấp cơ sở hạ tầng cấp 1, 2 ưu tiên hạng mục: xây dựng đường L.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông D xác định ông khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 1777/QĐ-UBND ngày 21/9/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B với lý do không chấp nhận việc ông yêu cầu bồi thường phần đất Kênh Dọc (kênh L) với diện tích ngang 4m x dài 38 m. Ông D thống nhất với việc bồi thường phần đất kênh ngang (kênh N), đã nhận đủ tiền bồi thường.

2. Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B trình bày:

Về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất: Đất là của ông Huỳnh Văn N1 khai phá, sử dụng từ khoảng năm 1940. Đến năm 1980 thì cho lại con ruột là bà Huỳnh Thị C (vợ ông D). Vợ chồng ông D sử dụng cất nhà ở và làm ruộng đến

nay. Ông D đã được Ủy ban nhân dân thị xã B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 01/7/1995, thửa đất số 811, tờ bản đồ 06, diện tích 7.600m² đất trồng lúa. Đến năm 2018, ông D đã được Sở T cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo hệ thống bản đồ chính quy, thửa đất số 237 (tách từ thửa 811 cũ), tờ bản đồ số 12 (tờ số 06 cũ) với diện tích 4850,5m².

Ngày 19/10/2022, Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Quyết định số 368/QĐ-UBND về việc thu hồi diện tích 63,7m² đất của ông Nguyễn Văn D và vợ là bà Huỳnh Thị C tại tờ bản đồ số 12; trong đó có 12,3m² đất nuôi trồng thủy sản, thuộc một phần thửa đất số 237 và 51,4m² đất trồng cây lâu năm thuộc một phần thửa số 49 để thực hiện dự án mở rộng, nâng cấp đô thị Việt Nam – Tiểu dự án thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. Hợp phần 2: Nâng cấp cơ sở hạ tầng cấp 1, 2 ưu tiên hạng mục: xây dựng đường L.

Ngày 01/11/2022, Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Quyết định số 1382/QĐ-UBND về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với ông D, bà C với tổng số tiền là 125.133.550 đồng.

Đối với yêu cầu bồi thường đất kênh dọc (kênh L): Ngày 01/7/1995, ông D được Ủy ban nhân dân thị xã B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 811, tờ bản đồ số 06 diện tích 7.600m² đất trồng lúa. Ngày 01/4/2008, ông D chuyển nhượng phần đất có diện tích 2.159,5m² thuộc thửa 811 cho ông Nguyễn Hoàng A (ngang 05m) được chỉnh lý bổ sung Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Diện tích còn lại là 5.440,5m². Năm 2018, ông tiếp tục chuyển nhượng cho bà Trần Kim H và chồng là Huỳnh Thanh T2 diện tích 190m² và tặng cho 02 người con mỗi người 200m² là Nguyễn Thanh L và Nguyễn Thanh D1 cũng thuộc thửa 811. Phần đất còn lại của thửa 811 là 4850,5m² ông D đã được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 10/12/2018 thuộc thửa 237, tờ bản đồ số 12 đất nuôi trồng thủy sản. Xét thấy, qua các lần chuyển nhượng và tặng cho quyền sử dụng đất thì diện tích đất còn lại của ông D vẫn còn đủ 4850,5m². Trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có thể hiện đã trừ kênh thủy lợi rộng 07m (ông D xác nhận rằng chính ông đã ký phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất). Đồng thời khi được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2018 ông D cũng không có khiếu nại về việc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã trừ kênh 07m. Do đó, ông D yêu cầu bồi thường đối với dọc (kênh L) là không có cơ sở để chấp nhận. Vì vậy, việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B ban hành Quyết định số 1777/QĐ-UBND ngày 21/9/2023 (lần hai) không chấp nhận khiếu nại của ông D là đúng theo quy định.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Huỳnh Thị C thống nhất với ý kiến ông D và không trình bày bổ sung.

3.2. Ủy ban nhân dân thành phố B và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B thống nhất trình bày:

Xét thấy trường hợp yêu cầu của ông Nguyễn Văn D đã được xem xét giải quyết đúng theo trình tự quy định của pháp luật, do đó yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xem xét giải quyết đúng theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Luật tố tụng hành chính.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, các quy định của pháp luật Hội đồng xét xử sơ thẩm vụ án hành chính nhận thấy:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

[1.1] Tại phiên tòa, ông D, bà C có mặt; Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B, Ủy ban nhân dân thành phố B có yêu cầu xét xử vắng mặt; Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158 Luật Tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[1.2] *Về đối tượng khởi kiện và thẩm quyền giải quyết:*

Ông D yêu cầu hủy Quyết định số 1777/QĐ-UBND ngày 21/9/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B về việc giải quyết khiếu nại lần hai của ông. Căn cứ theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3, khoản 1 Điều 30 và khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính Quyết định nêu trên là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

[1.3] *Về thời hiệu khởi kiện:*

Ngày 21/9/2023, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 1777/QĐ-UBND đối với khiếu nại của ông D. Ngày 12/10/2023, ông D nộp đơn khởi kiện tại Tòa án là còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 3 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[1.4] Đối với các Quyết định hành chính số 368/QĐ-UBND ngày 19/10/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố B về việc thu hồi đất của ông Nguyễn Văn D, bà Huỳnh Thị C; Quyết định số 1382/QĐ-UBND ngày 01/11/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với ông D, bà C; Quyết định số 31/QĐ-UBND ngày 25/4/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B về việc giải quyết khiếu nại của ông D (lần đầu) và Quyết định số 638/QĐ-UBND ngày

10/11/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B về việc chi trả tiền bổ sung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với ông D, bà C. Xét thấy, các Quyết định trên có liên quan đến các quyết định giải quyết khiếu nại mà ông D khởi kiện tại Tòa án. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn xem xét, đánh giá tính hợp pháp của các quyết định này theo quy định tại khoản 1 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính.

[2] *Xét tính hợp pháp và có căn cứ của Quyết định giải quyết khiếu nại số 1777/QĐ-UBND Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B (lần 2), thấy rằng:*

[2.1] *Về thẩm quyền ban hành:*

Không đồng ý Quyết định giải quyết khiếu nại (lần đầu) số 31/QĐ-UBND ngày 25/4/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B nên ông D tiếp tục khiếu nại. Đến ngày 21/9/2023 Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại (lần 2) số 1777/QĐ-UBND về việc sửa một phần nội dung Quyết định số 31/QĐ-UBND ngày 25/4/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B. Căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 21 Luật Khiếu nại việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B ban hành Quyết định trên là đúng thẩm quyền.

[2.2] *Về hình thức ban hành:*

Sau khi nhận được đơn khiếu nại của ông D, Ủy ban nhân dân tỉnh B đã ban hành Thông báo thụ lý việc khiếu nại; ra quyết định giao nhiệm vụ xác minh cho cơ quan chuyên môn và tiến hành thủ tục đối thoại để làm rõ yêu cầu của ông D là đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại các Điều 36, Điều 38, Điều 39 Luật Khiếu nại.

Đồng thời, Quyết định số 1777/QĐ-UBND được thực hiện theo đúng biểu mẫu số 16-KN ban hành kèm theo Thông tư số 07/2013/TT-TTCT ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính.

[2.3] *Về nội dung:*

Xét khởi kiện của ông Nguyễn Văn D yêu cầu huỷ Quyết định số 1777/QĐ-UBND với lý do không chấp nhận việc ông yêu cầu bồi thường phần đất Kênh dọc (kênh L) với diện tích ngang 4m x dài 38 m. Nhận thấy:

Các bên đều thống nhất nội dung sau: Ngày 01/7/1995, ông Nguyễn Văn D đã được Ủy ban nhân dân thị xã B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E 010180, thửa đất 811, tờ bản đồ 06, diện tích 7.600m² đất trồng lúa. Ngày 01/4/2008, ông D chuyển nhượng phần đất có diện tích 2.159,5m² thuộc thửa 811 cho ông Nguyễn Hoàng A (ngang 05m) được chỉnh lý bổ sung Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Diện tích còn lại là 5.440,5m². Năm 2018, ông tiếp tục chuyển nhượng cho bà Trần Kim H và chồng là Huỳnh Thanh T2 diện tích 190m² và tặng cho 02 người con mỗi người 200m² là Nguyễn Thanh L và Nguyễn Thanh D1 cũng thuộc thửa 811.

Theo lời trình bày trên của các bên, có cơ sở xác định phần đất còn lại của thửa 811 là 4850,5m² ông D, bà C đã được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP 595134 ngày 10/11/2018 tại thửa 237, tờ bản đồ số 12, với diện tích 4850,5m², đất nuôi trồng thủy sản.

Đồng thời trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên có thể hiện đã trừ kênh thủy lợi (kênh L) rộng 07m (ông D có ký phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất) nên có cơ sở xác định ông D đã thừa nhận kênh Lò Rèn rộng 7m là kênh công cộng; qua xem xét hồ sơ chuyển nhượng của ông D cho ông Hoàng A; bà H, ông T2; ông L, ông D1 đều thể hiện đã trừ diện tích đất kênh L và ông D đều có ký tên xác nhận và ông D cũng không có khiếu nại về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã trừ kênh 07m.

Khi Ủy ban nhân dân thành phố B thu hồi đất của ông D, bà C tại thửa 237 tờ bản đồ số 12 đất nuôi trồng thủy sản với diện tích thu hồi là 12,3m² thì đã bồi thường cho ông D, bà C theo Quyết định bồi thường, hỗ trợ và tái định cư số 1382/QĐ-UBND ngày 01/11/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B. Tại phiên toà sơ thẩm, ông D, bà C thống nhất với giá bồi thường cho phần diện tích thu hồi 12,3m², xác định đã nhận đủ tiền bồi thường.

Như vậy, đối với diện tích 4850,5m² thuộc thửa 237, tờ bản đồ số 12 thì thực tế Ủy ban nhân dân thành phố B chỉ thu hồi 12,3m² và ông D, bà C đã nhận đủ tiền bồi thường. Ủy ban nhân dân thành phố B không thu hồi phần đất kênh dọc (kênh L) với diện tích ngang 4m x 38m do phần đất kênh dọc (kênh L) là đất công cộng.

[3] Như đã phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định Quyết định số 1777/QĐ-UBND ngày 21/9/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B về việc giải quyết khiếu nại lần hai của ông D đã ban hành đúng quy định pháp luật.

[4] Đối với Quyết định bồi thường, hỗ trợ và tái định cư số 1382/QĐ-UBND ngày 01/11/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B; Quyết định giải quyết khiếu nại (lần đầu) số 31/QĐ-UBND ngày 25/4/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B có nội dung chưa phù hợp đối với phần đất kênh ngang (kênh N) nhưng đã được điều chỉnh tại Quyết định số 1777/QĐ-UBND ngày 21/9/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B về việc giải quyết khiếu nại lần hai của ông D và thực tế Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B đã ban hành Quyết định bồi thường, hỗ trợ và tái định cư bổ sung số 638/QĐ-UBND ngày 10/11/2023 để bồi thường phần đất kênh ngang cho ông D, bà C và ông D, bà C thống nhất với việc bồi thường bổ sung này. Do đó, nội dung các Quyết định nêu trên là vẫn đảm bảo quyền lợi của ông D, bà C theo quy định pháp luật như phân tích tại mục [2.3]

[5] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn D. Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn D là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên.

[6] Án phí hành chính sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn D không được chấp nhận nên ông Nguyễn Văn D phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm. Tuy nhiên, ông D là người cao tuổi, có yêu cầu miễn án phí nên được miễn án phí hành chính sơ thẩm.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1, khoản 2 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, khoản 3 Điều 116, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158, khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 196, Điều 206, khoản 1 Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính;

- Luật Khiếu nại năm 2011; Luật Đất đai năm 2013;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn D về việc yêu cầu hủy Quyết định số 1777/QĐ-UBND ngày 21/9/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B về việc giải quyết khiếu nại lần hai của ông Nguyễn Văn D.

2. Về án phí hành chính sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn D được miễn án phí hành chính sơ thẩm.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP . HCM;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- Cục THADS tỉnh Bạc Liêu;
- Đương sự;
- Lưu: HSVA, THC.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tăng Trần Quỳnh Phương

